

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCO
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GCO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GCO GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GCO GROUP., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109787829

3. Ngày thành lập: 22/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 8, Toà nhà 311-313 Trường Chinh, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0462 908 885

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
2.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hoá	4610
3.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
8.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
9.	Giáo dục khác chưa được phân vào đầu (loại trừ các hoạt động Dạy về tôn giáo; hoạt động của các trường Đảng, đoàn thể) Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh;	8559
10.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
11.	Lập trình máy vi tính	6201
12.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

13.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
14.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
15.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí theo Điều 3,4 Luật Báo chí) Chi tiết: - Thiết lập mạng xã hội; (theo điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định 27/2018/NĐ-CP) - Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (theo điểm a khoản 7 Điều 5 Nghị định 27/2018/NĐ-CP) - Dịch vụ thương mại điện tử (thực hiện theo khoản 2 Điều 24 Nghị định 52/2013/NĐ-CP)	6312
16.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
17.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Loại trừ: - Các hoạt động thỏa thuận và giải quyết các giao dịch tài chính, bao gồm giao dịch thẻ tín dụng; - Hoạt động tư vấn và môi giới thế chấp, - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng)	6619
18.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (Theo Điều 62, Điều 74 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014) - Sàn giao dịch bất động sản (Theo điều 69 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014)	6820
19.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
20.	Quảng cáo	7310(Chính)
21.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
22.	In ấn (Loại trừ hoạt động in tem thuế, tem bưu điện)	1811
23.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
24.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
25.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
26.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
27.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
28.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động (Theo khoản 2 Điều 27 Nghị định 72/2013/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng)	6190

29.	Điều hành tua du lịch	7912
30.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
31.	Xây dựng nhà để ở	4101
32.	Xây dựng nhà không để ở	4102
33.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Phá dỡ	4311
36.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
37.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
38.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
39.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
40.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (loại trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 VNĐ

Sáu mươi tỷ Việt Nam đồng

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 6.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM XUÂN HÙNG	Phòng 810, CT3- DN2, Khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	900.000	9.000.000.000	15,000	172595448	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	900.000	9.000.000.000	15,000		
2	ĐỖ VIẾT TÙNG	10111 B1 tầng 10, nhà B1, Chung cư Hoà Bình Green City, 505 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.300.0 00	33.000.000.000	55,000	0380880010 61	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	3.300.0 00	33.000.000.000	55,000		

3	ĐỖ VIẾT TUẤN	Căn hộ 1006 Tòa nhà CT2A1 Tây Nam Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.800.000	18.000.000.000	30,000	038089004869
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	1.800.000	18.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐỖ VIẾT TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 05/06/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038089004869

Ngày cấp: 14/03/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn 4, Xã Thiệu Quang, Huyện Thiệu Hoá, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Căn hộ 1006 Tòa nhà CT2A1 Tây Nam Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội